

KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN: HOÁ HỌC ĐẠI CƯƠNG(TC2501)**Lần thi: 1 Học kỳ:2 Năm học: 2016-2017****Phòng thi: H-H 8. 01****Ngày thi: 29/03/2017**

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp QL	Điểm QT	Điểm thi	TBCMH	Điểm chữ	Ghi chú
1	1654010001	Cần Xuân An	2016GT1	0	0	0	F	K
2	1651050001	Lê Hồ Trường An	2016D1	3	1	1.4	F	
3	1651070001	Nguyễn Gia An	2016XN	5.5	1.5	2.3	F	
4	1651050052	Trương Triều An	2016D2	7.5	2	3.1	F	
5	1651050002	Bế Tuấn Anh	2016D1	5	0	1	F	
6	1654010058	Bùi Việt Anh	2016GT2	10	6	6.8	C	
7	1451030002	Cao Tuấn Anh	2014X1	8	4	4.8	D	
8	1654010002	Chu Tuấn Anh	2016GT1	6	3	3.6	F	
9	1651040059	Đặng Việt Anh	2016N2	4.5	0	0.9	F	
10	1654010061	Đỗ Xuân Tuấn Anh	2016GT2	8	0	1.6	F	
11	1551030214	Hà Công Thế Anh	2015X9	8	2	3.2	F	
12	1651070003	Hồ Bá Tuấn Anh	2016XN	8.5	7.5	7.7	B	
13	1551040017	Lê Phương Anh	2015N3	7	4	4.6	D	
14	1651050003	Lê Sơn Anh	2016D1	0	0	0	F	
15	1654010059	Nguyễn Duy Anh	2016GT2	7	2.5	3.4	F	
16	1654010003	Nguyễn Ngọc Anh	2016GT1	7	0	1.4	F	
17	1651050054	Nguyễn Ngọc Anh	2016D2	7	0	1.4	F	
18	1651040001	Nguyễn Quốc Anh	2016N1	7	3	3.8	F	
19	1651050004	Nguyễn Thị Cúc Anh	2016D1	7.5	0	1.5	F	
20	1651040056	Nguyễn Thị Lan Anh	2016N2	9	6.5	7	B	
21	1654010060	Nguyễn Thị Thủy Anh	2016GT2	6.5	2	2.9	F	
22	1654010004	Nguyễn Tuấn Anh	2016GT1	8	4	4.8	D	
23	1551030088	Nguyễn Trọng Hoàng Anh	2015X5	10	4	5.2	D	
24	1651040003	Phạm Đức Anh	2016N1	0	0	0	F	K
25	1651070004	Phạm Thế Anh	2016XN	5.5	0	1.1	F	
26	1651040057	Phạm Trọng Anh	2016N2	4.5	0	0.9	F	
27	1651050055	Tạ Tuấn Anh	2016D2	8	0	1.6	F	
28	1651070005	Trần Hoài Anh	2016XN	5	2	2.6	F	
29	1651040058	Trương Duy Anh	2016N2	0	0	0	F	K
30	1651070062	Trịnh Văn Ánh	2016XN	6	0	1.2	F	
31	1651050101	Hoàng Ngọc ánh	2016D2	6	2	2.8	F	
32	1551040081	Lưu Thị ánh	2015N3	8.5	8.5	8.5	A	
33	1651070061	Nguyễn Đình ánh	2016XN	4	0	0.8	F	
34	1651070006	Dương Kinh Bang	2016XN	6.5	5.5	5.7	C	
35	1651040005	Nguyễn Văn Bảo	2016N1	6	0	1.2	F	
36	1651050056	Phạm Đức Bình	2016D2	8	2	3.2	F	
37	1651040061	Bùi Phương Châm	2016N2	0	0	0	F	K
38	1651040006	Đinh Ngọc Chiến	2016N1	6	0	1.2	F	
39	1654010007	Đào Văn Chính	2016GT1	8.5	3	4.1	D	
40	1654010063	Nguyễn Đức Chính	2016GT2	10	4.5	5.6	C	
41	1654010062	Khương Văn Chung	2016GT2	0	0	0	F	K
42	1654010064	Nguyễn Thành Công	2016GT2	9	7	7.4	B	
43	1651050006	Nguyễn Văn Công	2016D1	7	1	2.2	F	
44	1551050031	Vũ Lê Cường	2015D1	8.5	5.5	6.1	C	
45	1251030055	Vũ Xuân Cường	2012X2	0	0	0	F	
46	1651040008	Nguyễn Đình Cường	2016N1	6.5	1	2.1	F	
47	1651070007	Nguyễn Mạnh Cường	2016XN	7	0	1.4	F	
48	1651040062	Nguyễn Trọng Cường	2016N2	7	3	3.8	F	
49	1551030227	Phùng Văn Cường	2015X5	8	5	5.6	C	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp QL	Điểm QT	Điểm thi	TBCMH	Điểm chữ	Ghi chú
50	1654010072	Hà Sỹ Đại	2016GT2	8	4.5	5.2	D	
51	1651070011	Ứng Quốc Đại	2016XN	5.5	0	1.1	F	
52	1651050008	Tạ Xuân Đại	2016D1	10	7	7.6	B	
53	1651040067	Vũ Văn Đại	2016N2	6	5	5.2	D	
54	1651070010	Nguyễn Xuân Dân	2016XN	5	2	2.6	F	
55	1651040066	Đặng Trần Đăng	2016N2	7.5	2	3.1	F	
56	1651040013	Nguyễn Minh Đạo	2016N1	5	2	2.6	F	
57	1651040068	Bùi Hoàng Đạt	2016N2	8	7.5	7.6	B	
58	1651070012	Đàm Minh Đạt	2016XN	5.5	0	1.1	F	
59	1651070013	Đỗ Văn Đạt	2016XN	7	1	2.2	F	
60	1654010016	Lương Quốc Đạt	2016GT1	6	3	3.6	F	
61	1651050059	Nguyễn Đức Đạt	2016D2	8	2	3.2	F	
62	1654010073	Nguyễn Tiến Đạt	2016GT2	7	4	4.6	D	
63	1451030102	Phạm Thành Đạt	2014X3	6	2	2.8	F	
64	1654010017	Phạm Tuấn Đạt	2016GT1	8.5	5.5	6.1	C	
65	1651050009	Phạm Văn Đạt	2016D1	8	4	4.8	D	
66	1651050007	Phạm Duy Diệp	2016D1	0	0	0	F	
67	1654010008	Mai Văn Diệu	2016GT1	5	4	4.2	D	
68	1651050058	Nguyễn Thành Đô	2016D2	8	3	4	D	
69	1651040065	Tạ Ngọc Đoan	2016N2	7.5	2	3.1	F	
70	1651040011	Trần Văn Đoàn	2016N1	7	2	3	F	
71	1651040012	Nguyễn Huy Đông	2016N1	8	3	4	D	
72	1654010074	Hoàng Thành Đồng	2016GT2	5.5	4.5	4.7	D	
73	1651040069	Dương Minh Đức	2016N2	6	0	1.2	F	
74	1651050060	Lê Anh Đức	2016D2	8	1	2.4	F	
75	1651050010	Lương Văn Đức	2016D1	8	3	4	D	
76	1651050061	Nguyễn Anh Đức	2016D2	7	4	4.6	D	
77	1651070014	Nguyễn Đình Đức	2016XN	4	6	5.6	C	
78	1651050011	Nguyễn Đình Đức	2016D1	7	0	1.4	F	
79	1651040070	Nguyễn Đình Đức	2016N2	5.5	0	1.1	F	
80	1051040096	Nguyễn Minh Đức	2012N2	8	5	5.6	C	
81	1251060010	Nguyễn Minh Đức	2012M	0	0	0	F	K
82	1654010018	Nguyễn Quang Đức	2016GT1	5.5	2	2.7	F	
83	1651040015	Nguyễn Sỹ Đức	2016N1	8	7.5	7.6	B	
84	1551030215	Nguyễn Văn Đức	2015X3	8	2	3.2	F	
85	1651050062	Phan Kế Đức	2016D2	8	4.5	5.2	D	
86	1654010075	Phạm Anh Đức	2016GT2	5.5	2	2.7	F	
87	1651050012	Phạm Kiên Đức	2016D1	9.5	7.5	7.9	B	
88	1651050063	Phạm Văn Đức	2016D2	8	0	1.6	F	
89	1654010065	Lãnh Hương Dung	2016GT2	7	3	3.8	F	
90	1654010013	Lê Anh Dũng	2016GT1	6.5	2	2.9	F	
91	1654010070	Nguyễn Anh Dũng	2016GT2	9.5	3	4.3	D	
92	1654010014	Nguyễn Tiến Dũng	2016GT1	7.5	4	4.7	D	
93	1651040064	Nguyễn Văn Dũng	2016N2	0	0	0	F	K
94	1654010071	Trần Ngọc Dũng	2016GT2	5.5	0	1.1	F	
95	1651070008	Bùi Xuân Dương	2016XN	6	2	2.8	F	
96	1654010069	Đỗ Thanh Dương	2016GT2	7.5	2	3.1	F	
97	1651050057	Nguyễn Đình Dương	2016D2	8	6	6.4	C	
98	1651070009	Nguyễn Văn Dương	2016XN	6	2	2.8	F	
99	1654010068	Trần Đình Thái Dương	2016GT2	0	0	0	F	K
100	1654010012	Vũ Thái Dương	2016GT1	5.5	1	1.9	F	
101	1654010009	Hoàng Thế Duy	2016GT1	0	0	0	F	K
102	1654010114	Phạm Văn Duy	2016GT1	7	1	2.2	F	
103	1654010066	Phạm Văn Duy	2016GT2	6.5	4	4.5	D	
104	1654010010	Trần Công Duy	2016GT1	0	0	0	F	K

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp QL	Điểm QT	Điểm thi	TBCMH	Điểm chữ	Ghi chú
105	1654010067	Trần Văn Duy	2016GT2	0	0	0	F	K
106	1451040167	Vũ Tiến Duy	2016N2	5	7	6.6	C	
107	1654010011	Ngô Thị Duyên	2016GT1	7.5	3	3.9	F	
108	1651050013	Hoàng Trường Giang	2016D1	8	2	3.2	F	
109	1651050064	Nguyễn Đức Giang	2016D2	6	0	1.2	F	
110	1651040016	Võ Đức Giang	2016N1	5	5.5	5.4	D	
111	1651040079	Chu Thanh Hà	2016N2	7	4.5	5	D	
112	1654010124	Đặng Thanh Hà	2016GT2	6.5	0	1.3	F	
113	1651070021	Man Thị Thu Hà	2016XN	6.5	2	2.9	F	
114	1654010083	Nguyễn Trảng Hà	2016GT2	8	7.5	7.6	B	
115	1651050020	Trần Thu Hà	2016D1	9.5	4	5.1	D	
116	1654010084	Đoàn Công Hải	2016GT2	4.5	1	1.7	F	
117	1651050071	Lê Văn Hải	2016D2	8	2	3.2	F	
118	1654010027	Nguyễn Đăng Hải	2016GT1	10	7	7.6	B	
119	1651050021	Nguyễn Minh Hải	2016D1	7	1	2.2	F	
120	1651040081	Trần Văn Hải	2016N2	5	0	1	F	
121	1651050072	Phạm Thị Hồng Hạnh	2016D2	9	5	5.8	C	
122	1651040080	Phan Huy Hào	2016N2	6	1	2	F	
123	1651070022	Hoàng Tuấn Hậu	2016XN	7	3	3.8	F	
124	1654010028	Lê Văn Hậu	2016GT1	5	0	1	F	
125	1651040071	Trần Thị Thu Hiền	2016N2	7	6	6.2	C	
126	1651070016	Nguyễn Hoàng Hiệp	2016XN	8.5	7.5	7.7	B	
127	1654010022	Nguyễn Thế Hiệp	2016GT1	10	6.5	7.2	B	
128	1654010076	Bế Chung Hiếu	2016GT2	7	1	2.2	F	
129	1654010020	Bùi Trung Hiếu	2016GT1	10	6	6.8	C	
130	1654010077	Cáp Trung Hiếu	2016GT2	4.5	2	2.5	F	
131	1651040019	Đặng Xuân Hiếu	2016N1	6	5.5	5.6	C	
132	1651050067	Đinh Văn Hiếu	2016D2	8	3	4	D	
133	1651070015	Hà Văn Hiếu	2016XN	5.5	0	1.1	F	
134	1651040017	Hoàng Minh Hiếu	2016N1	7	1	2.2	F	
135	1654010021	Lê Duy Hiếu	2016GT1	0	0	0	F	K
136	1651040072	Nguyễn Bá Hiếu	2016N2	7.5	3	3.9	F	
137	1651050065	Nguyễn Chí Hiếu	2016D2	7.5	4.5	5.1	D	
138	1651040018	Nguyễn Đăng Hiếu	2016N1	6	4	4.4	D	
139	1651050015	Nguyễn Văn Hiếu	2016D1	7.5	0	1.5	F	
140	1651050066	Nguyễn Văn Hiếu	2016D2	8	0	1.6	F	
141	1651040073	Phạm Văn Hiếu	2016N2	4.5	5.5	5.3	D	
142	1651050016	Trần Trung Hiếu	2016D1	7	4	4.6	D	
143	1654010079	Nguyễn Ngọc Hiệu	2016GT2	9.5	6	6.7	C	
144	1651050017	Vũ Công Hiệu	2016D1	7	0	1.4	F	
145	1551040127	Vũ Đức Hoan	2015N3	0	0	0	F	K
146	1651070017	Đào Cư Hoàn	2016XN	4	3	3.2	F	
147	1551050078	Nguyễn Văn Hoàn	2015D2	0	0	0	F	
148	1654010080	Đào Ngọc Hoàng	2016GT2	9.5	5	5.9	C	
149	1651050018	Đinh Thanh Hoàng	2016D1	7	1	2.2	F	
150	1651050068	Kiều Việt Hoàng	2016D2	7.5	2	3.1	F	
151	1651040020	Lại Văn Hoàng	2016N1	6	3	3.6	F	
152	1651040075	Nguyễn Minh Hoàng	2016N2	8	6	6.4	C	
153	1654010023	Nguyễn Thiện Hoàng	2016GT1	5	0	1	F	
154	1651040021	Nguyễn Văn Hoàng	2016N1	7	7	7	B	
155	1551040068	Nguyễn Việt Hoàng	2015N3	0	0	0	F	K
156	1651070018	Phạm Vĩ Hoàng	2016XN	4	0	0.8	F	
157	1651070019	Trần Đức Hoàng	2016XN	5.5	1	1.9	F	
158	1551040055	Trần Khánh Hoàng	2015N2	0	0	0	F	K
159	1551030073	Trịnh Đình Huấn	2015X3	8	4.5	5.2	D	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp QL	Điểm QT	Điểm thi	TBCMH	Điểm chữ	Ghi chú
160	1651040028	Đặng Việt Hùng	2016N1	7	6	6.2	C	
161	1651070024	Hà Thiên Hùng	2016XN	6	3	3.6	F	
162	1651070023	Lê Bá Hùng	2016XN	6.5	4	4.5	D	
163	1651040027	Lê Đức Hùng	2016N1	8	1	2.4	F	
164	1651050022	Lưu Văn Hùng	2016D1	6.5	2.5	3.3	F	
165	1654010086	Ngô Văn Hùng	2016GT2	7	0	1.4	F	
166	1651050073	Nguyễn Gia Hùng	2016D2	8	2.5	3.6	F	
167	1654010085	Nguyễn Minh Hùng	2016GT2	5	0.5	1.4	F	
168	1651040082	Nguyễn Sỹ Hùng	2016N2	8	0	1.6	F	
169	1654010029	Nguyễn Việt Hùng	2016GT1	0	0	0	F	K
170	1651050023	Phạm Huy Hùng	2016D1	7	0	1.4	F	
171	1654010030	Trương Văn Hùng	2016GT1	8.5	4	4.9	D	
172	1654010088	Vũ Văn Hùng	2016GT2	9.5	6	6.7	C	
173	1654010031	Vương Khánh Hùng	2016GT1	4.5	0	0.9	F	
174	1654010026	Đặng Quang Bảo Hưng	2016GT1	4.5	0	0.9	F	
175	1654010019	Nguyễn Hữu Hưng	2016GT1	6	1	2	F	
176	1651040024	Nguyễn Quốc Hưng	2016N1	5	1	1.8	F	
177	1651040111	Đào Thị Thu Hương	2016N2	6	1	2	F	
178	1651050014	Đoàn Thị Thu Hương	2016D1	9.5	9.5	9.5	A	
179	1651070020	Bùi Quốc Huy	2016XN	9	3	4.2	D	
180	1651040078	Đồng Văn Huy	2016N2	5.5	5.5	5.5	C	
181	1651040076	Hoàng Đình Huy	2016N2	6.5	2.5	3.3	F	
182	1651050069	Nguyễn Cảnh Huy	2016D2	7	3	3.8	F	
183	1654010024	Nguyễn Quang Huy	2016GT1	6.5	7.5	7.3	B	
184	1651040077	Tạ Quang Huy	2016N2	8	5.5	6	C	
185	1654010081	Trần Đức Huy	2016GT2	4.5	0	0.9	F	
186	1651040022	Trần Quốc Huy	2016N1	6.5	1	2.1	F	
187	1551050015	Vũ Dương Minh Huy	2015D1	0	0	0	F	
188	1651050019	Ngô Khánh Huyền	2016D1	9.5	6.5	7.1	B	
189	1654010025	Phan Thị Khánh Huyền	2016GT1	8	5	5.6	C	
190	1654010082	Nguyễn Văn Huỳnh	2016GT2	7.5	2	3.1	F	
191	1651040029	Bùi Hữu Khải	2016N1	7	2	3	F	
192	1651070025	Đinh Ngọc Khải	2016XN	6	2	2.8	F	
193	1651040084	Nguyễn Văn Khải	2016N2	7	2	3	F	
194	1551030251	Phan Phúc Khải	2015X2	8	3.5	4.4	D	
195	1654010089	Nguyễn Mạnh Khang	2016GT2	7.5	4	4.7	D	
196	1651040083	Nguyễn Văn Khang	2016N2	4	1	1.6	F	
197	1651040030	Hoàng Quang Khánh	2016N1	8	3.5	4.4	D	
198	1651050074	Nguyễn Duy Khánh	2016D2	5	1	1.8	F	
199	1654010034	Nguyễn Trung Khánh	2016GT1	5.5	3	3.5	F	
200	1654010033	Đinh Quang Khiêm	2016GT1	7	1	2.2	F	
201	1551030293	Thắm Lưu Đăng Khoa	2015X6	8.5	6	6.5	C	
202	1654010090	Trần Anh Khoa	2016GT2	5	1	1.8	F	
203	1451040077	Nguyễn Văn Kiêm	2016N2	6	4	4.4	D	
204	1651040085	Hoàng Trung Kiên	2016N2	7.5	0	1.5	F	
205	1651070027	Nguyễn Đức Kiên	2016XN	5.5	0	1.1	F	
206	1651070026	Nguyễn Trung Kiên	2016XN	8.5	4	4.9	D	
207	1654010091	Nguyễn Trung Kiên	2016GT2	0	0	0	F	K
208	1651050024	Nguyễn Trung Kiên	2016D1	8	2	3.2	F	
209	1651050027	Nguyễn Tùng Lâm	2016D1	7.5	2	3.1	F	
210	1651050078	Phan Tùng Lâm	2016D2	7.5	2.5	3.5	F	
211	1651040087	Nguyễn Thị Lành	2016N2	9	8	8.2	B	
212	1654010093	Hoàng Đình Liêm	2016GT2	8.5	4	4.9	D	
213	1651040086	Nguyễn Thị Phương Liên	2016N2	7	5	5.4	D	
214	1654010035	Dương Thùy Linh	2016GT1	0	0	0	F	K

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp QL	Điểm QT	Điểm thi	TBCMH	Điểm chữ	Ghi chú
215	1654010115	Đào Tuấn Linh	2016GT1	7	2	3	F	
216	1551030028	Lê Thị Thùy Linh	2015X6	8.5	4.5	5.3	D	
217	1651050075	Mai Xuân Linh	2016D2	10	8.5	8.8	A	
218	1651070028	Nguyễn Bá Ngọc Linh	2016XN	5.5	5.5	5.5	C	
219	1651040031	Nguyễn Diệu Linh	2016N1	8	3	4	D	
220	1651050025	Nguyễn Hoàng Linh Linh	2016D1	8.5	4	4.9	D	
221	1351030174	Nguyễn Thành Linh	2013X6	0	0	0	F	K
222	1654010036	Nguyễn Thị Linh	2016GT1	7	3	3.8	F	
223	1651050076	Trương Vũ Linh	2016D2	8	5.5	6	C	
224	1651070031	Nguyễn Huy Lộc	2016XN	7	2	3	F	
225	1551030312	Dương Công Lợi	2015X5	5.5	6	5.9	C	
226	1651050026	Lê Ngọc Long	2016D1	8	2	3.2	F	
227	1651050077	Nguyễn Phi Long	2016D2	6	2	2.8	F	
228	1654010037	Nguyễn Thành Long	2016GT1	0	0	0	F	K
229	1351030186	Nguyễn Thành Long	2013X2	0	0	0	F	K
230	1651070029	Nguyễn Tiến Long	2016XN	9	4	5	D	
231	1651050028	Đinh Thế Lưu	2016D1	9	2.5	3.8	F	
232	1651040033	Ngô Thị Hồng Mai	2016N1	8	3.5	4.4	D	
233	1551040003	Đặng Văn Mạnh	2015N2	8	2	3.2	F	
234	1654010095	Mai Ngọc Mạnh	2016GT2	9.5	4	5.1	D	
235	1651050029	Nguyễn Hoàng Mạnh	2016D1	6.5	0	1.3	F	
236	1351030212	Nguyễn Tiến Mạnh	2013X4	6	6	6	C	
237	1651040088	Phạm Vũ Tiến Mạnh	2016N2	5.5	4	4.3	D	
238	1651050079	Lại Công Minh	2016D2	7	3	3.8	F	
239	1654010094	Nguyễn Quang Minh	2016GT2	7	4.5	5	D	
240	1654010038	Vũ Quang Minh	2016GT1	0	0	0	F	K
241	1551050082	Nguyễn Tiến Mười	2015D1	7	0	1.4	F	
242	1654010039	Bùi Đức Nam	2016GT1	0	0	0	F	K
243	1651050030	Đào Phương Nam	2016D1	8	4	4.8	D	
244	1651040035	Đào Việt Nam	2016N1	6.5	7	6.9	C	
245	1654010096	Hoàng Phương Nam	2016GT2	7	6	6.2	C	
246	1654010040	Lưu Phương Nam	2016GT1	5.5	5	5.1	D	
247	1654010097	Nguyễn Hữu Nam	2016GT2	9.5	4.5	5.5	C	
248	1651050080	Nguyễn Hữu Nam	2016D2	0	0	0	F	
249	1651040034	Nguyễn Hoài Nam	2016N1	6	2	2.8	F	
250	1651040089	Nguyễn Văn Nam	2016N2	5	0	1	F	
251	1654010041	Lê Đại Nghĩa	2016GT1	5	0	1	F	
252	1651070032	Nguyễn Đức Nghĩa	2016XN	6.5	4	4.5	D	
253	1651040090	Trương Đại Nghĩa	2016N2	8	2	3.2	F	
254	1651070033	Bùi Văn Ngọc	2016XN	4.5	4	4.1	D	
255	1654010098	Nguyễn Duy Hồng Ngọc	2016GT2	5.5	4	4.3	D	
256	1654010042	Nguyễn Tài Nhân	2016GT1	6	5	5.2	D	
257	1651040036	Vì Văn Nhân	2016N1	0	0	0	F	K
258	1651050081	Hoàng Văn Nhật	2016D2	8	5	5.6	C	
259	1651050031	Nguyễn Huy Phong	2016D1	7.5	4	4.7	D	
260	1651070034	Tổng Đức Phong	2016XN	4	4.5	4.4	D	
261	1651070036	Nguyễn Đình Phú	2016XN	7	0	1.4	F	
262	1651070035	Nguyễn Hoàng Phú	2016XN	6	5.5	5.6	C	
263	1651050083	Vũ Văn Phú	2016D2	7.5	1	2.3	F	
264	1651040037	Lương Văn Phúc	2016N1	0	0	0	F	K
265	1651050033	Phạm Văn Phúc	2016D1	8	5.5	6	C	
266	1651040092	Tăng Hồng Phúc	2016N2	8	4.5	5.2	D	
267	1654010043	Trần Vượng Phúc	2016GT1	5	3	3.4	F	
268	1651040091	Bùi Bích Phương	2016N2	8.5	7	7.3	B	
269	1651050082	Nguyễn Hoàng Phương	2016D2	8	7	7.2	B	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp QL	Điểm QT	Điểm thi	TBCMH	Điểm chữ	Ghi chú
270	1251030321	Nguyễn Hoàng Phương	2012X7	0	0	0	F	K
271	1651050086	Nguyễn Hồng Quân	2016D2	7.5	3	3.9	F	
272	1651070081	Nguyễn Lương Minh	2016XN	7	2	3	F	
273	1651070038	Nguyễn Văn Quân	2016XN	0	0	0	F	K
274	1551030403	Phạm Hồng Quân	2015X5	6.5	2	2.9	F	
275	1651050036	Trần Hồng Quân	2016D1	5	0	1	F	
276	1651050087	Vũ Ngọc Quân	2016D2	8.5	3.5	4.5	D	
277	1651050084	Dương Minh Quang	2016D2	7.5	3.5	4.3	D	
278	1651050034	Nguyễn Duy Quang	2016D1	5	4	4.2	D	
279	1654010100	Nguyễn Đình Quang	2016GT2	10	9	9.2	A	
280	1651040038	Nguyễn Hồng Quang	2016N1	9	3.5	4.6	D	
281	1651050085	Nhữ Hồng Quang	2016D2	7.5	3	3.9	F	
282	1551040051	Phạm Hồng Quang	2015N2	7	6	6.2	C	
283	1651050035	Phạm Văn Quang	2016D1	7	0	1.4	F	
284	1551090037	Đinh Cao Quý	2015VL	8	5	5.6	C	
285	1651070037	Đỗ Minh Quyền	2016XN	6	0	1.2	F	
286	1654010044	Lê Thị Phương Quỳnh	2016GT1	10	2	3.6	F	
287	1651070039	Nguyễn Đức Quỳnh	2016XN	7	2	3	F	
288	1651070040	Mai Xuân Sang	2016XN	6	5	5.2	D	
289	1651040040	Phan Công Sáng	2016N1	3	0	0.6	F	
290	1651040093	Hà Văn Sơn	2016N2	4	2	2.4	F	
291	1651040039	Lê Hồng Sơn	2016N1	6	2	2.8	F	
292	1651070042	Lê Thanh Sơn	2016XN	4.5	1.5	2.1	F	
293	1651040094	Nguyễn Đình Hoài Sơn	2016N2	5	0	1	F	
294	1654010101	Trần Văn Sơn	2016GT2	0	0	0	F	K
295	1651050037	Trương Văn Sơn	2016D1	0	0	0	F	
296	1654010045	Vũ Hồng Sơn	2016GT1	5.5	0	1.1	F	
297	1651070041	Lê Văn Sung	2016XN	5.5	2	2.7	F	
298	1651040095	Hoàng Tiến Sỹ	2016N2	7.5	0.5	1.9	F	
299	1651070043	Phạm Xuân Sỹ	2016XN	5	4	4.2	D	
300	1654010111	Đinh Văn Tài	2016GT2	10	5	6	C	
301	1651040107	Quách Cao Tài	2016N2	6	3	3.6	F	
302	1651050096	Đồng Thị Tây	2016D2	8	3	4	D	
303	1651050039	Dương Văn Thắng	2016D1	10	5	6	C	
304	1651050040	Đỗ Việt Thắng	2016D1	5	3	3.4	F	
305	1251040090	Nguyễn Đình Thắng	2012N2	0	0	0	F	K
306	1651050090	Nguyễn Văn Thắng	2016D2	8	5	5.6	C	
307	1651070048	Tạ Văn Thắng	2016XN	8	2	3.2	F	
308	1654010103	Trần Đức Thắng	2016GT2	0	0	0	F	K
309	1654010046	Bùi Tuấn Thành	2016GT1	0	0	0	F	K
310	1651040097	Hoàng Văn Thành	2016N2	8	8	8	B	
311	1551030174	Lê Đức Thành	2015X8	7.5	5	5.5	C	
312	1651050038	Nguyễn Đức Thành	2016D1	8.5	2.5	3.7	F	
313	1651040043	Nguyễn Trọng Thành	2016N1	5	2	2.6	F	
314	1651070046	Nguyễn Văn Thành	2016XN	7.5	6	6.3	C	
315	1651040098	Phạm Tuấn Thành	2016N2	0	0	0	F	K
316	1651070047	Trần Đức Long Thành	2016XN	4.5	2	2.5	F	
317	1651050089	Trần Văn Thành	2016D2	8.5	4	4.9	D	
318	1651040044	Nguyễn Thị Phương Thảo	2016N1	5.5	3	3.5	F	
319	1651070044	Nguyễn Khắc Thi	2016XN	4.5	3	3.3	F	
320	1651040041	An Hoàng Thiện	2016N1	7.5	1	2.3	F	
321	1651040099	Cao Văn Thọ	2016N2	0	0	0	F	K
322	1651070045	Nguyễn Văn Thuận	2016XN	5	4	4.2	D	
323	1654010102	Phạm Đức Thuận	2016GT2	5	5	5	D	
324	1651040042	Nguyễn Thị Hoài Thương	2016N1	7.5	2	3.1	F	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp QL	Điểm QT	Điểm thi	TBCMH	Điểm chữ	Ghi chú
325	1651040096	Nguyễn Thị Thu Thủy	2016N2	7.5	5	5.5	C	
326	1651040045	Hoàng Thị Minh Thủy	2016N1	7	5	5.4	D	
327	1654010047	Phạm Thị Thủy	2016GT1	8	4	4.8	D	
328	1651050091	Mai Việt Tiến	2016D2	7.5	0	1.5	F	
329	1651070049	Nguyễn Anh Tiến	2016XN	7.5	2	3.1	F	
330	1451030302	Nguyễn Đức Minh Tiến	2014X5	7	5	5.4	D	
331	1654010104	Nguyễn Văn Tiến	2016GT2	6	5	5.2	D	
332	1651040100	Nguyễn Văn Tiến	2016N2	5.5	0	1.1	F	
333	1651040046	Phan Đăng Tiến	2016N1	6	2	2.8	F	
334	1654010048	Trần Công Tiến	2016GT1	6.5	4	4.5	D	
335	1651070050	Trần Minh Tiến	2016XN	8	6	6.4	C	
336	1651070051	Trần Văn Tiến	2016XN	5	3.5	3.8	F	
337	1651050041	Vũ Văn Tiến	2016D1	7	4	4.6	D	
338	1351030318	Cao Đức Toàn	2013X6	7	6.5	6.6	C	
339	1654010105	Lê Chí Toàn	2016GT2	5	0	1	F	
340	1251040044	Lê Đức Toàn	2012N1	0	0	0	F	K
341	1651040101	Nguyễn Công Toàn	2016N2	6	4.5	4.8	D	
342	1654010049	Nguyễn Đức Toàn	2016GT1	0	0	0	F	K
343	1651050092	Nguyễn Ngọc Toàn	2016D2	9	5	5.8	C	
344	1654010108	Phạm Thị ánh Trà	2016GT2	8.5	2.5	3.7	F	
345	1654010106	Bùi Kiều Trang	2016GT2	9	5	5.8	C	
346	1651040102	Lại Thị Thu Trang	2016N2	7.5	6.5	6.7	C	
347	1651040104	Nguyễn Minh Trí	2016N2	6.5	5	5.3	D	
348	1651040050	Phạm Đặng Quang Trí	2016N1	6	4	4.4	D	
349	1651040105	Lê Xuân Trọng	2016N2	8.5	3	4.1	D	
350	1654010050	Mai Hoàng Trung	2016GT1	6	3.5	4	D	
351	1654010107	Nguyễn Cảnh Trung	2016GT2	9	3	4.2	D	
352	1651050093	Nguyễn Ngọc Trung	2016D2	7.5	5	5.5	C	
353	1651040103	Hoàng Mạnh Trường	2016N2	8	7	7.2	B	
354	1651040047	Nguyễn Quang Trường	2016N1	6	0	1.2	F	
355	1654010051	Phùng Bá Trường	2016GT1	6	1	2	F	
356	1651050043	Trần Xuân Trường	2016D1	8	2	3.2	F	
357	1651040109	Chu Anh Tuấn Tú	2016N2	7	0	1.4	F	
358	1654010113	Đoàn Duy Tú	2016GT2	4.5	2	2.5	F	
359	1651050047	Hoàng Anh Tú	2016D1	7	2	3	F	
360	1654010055	Lê Minh Tú	2016GT1	8.5	7.5	7.7	B	
361	1651070057	Lê Ngọc Tú	2016XN	7.5	3	3.9	F	
362	1551040091	Lê Văn Tú	2015N3	8	2	3.2	F	
363	1451050092	Nguyễn Duy Tú	2016D2	6	5	5.2	D	
364	1551070036	Nguyễn Tiến Tú	2015XN	7.5	7	7.1	B	
365	1651070058	Nguyễn Trọng Tú	2016XN	0	0	0	F	K
366	1654010112	Nguyễn Văn Tú	2016GT2	4.5	3	3.3	F	
367	1654010056	Phạm Văn Tú	2016GT1	6.5	1.5	2.5	F	
368	1651050098	Phùng Đức Tú	2016D2	7	0	1.4	F	
369	1551030009	Trần Anh Tú	2015X6	0	0	0	F	
370	1651070052	Mai Văn Tuấn	2016XN	7	0	1.4	F	
371	1654010109	Nguyễn Quý Tuấn	2016GT2	6	3	3.6	F	
372	1551030154	Vũ Trọng Tuấn	2015X6	8.5	5.5	6.1	C	
373	1651050045	Đỗ Văn Tuấn	2016D1	7.5	2	3.1	F	
374	1651050044	Nguyễn Anh Tuấn	2016D1	7.5	0	1.5	F	
375	1654010053	Nguyễn Châu Tuấn	2016GT1	5.5	2	2.7	F	
376	1051050081	Nguyễn Duy Tuấn	2010D2	6	5	5.2	D	
377	1651040051	Nguyễn Hoàng Tuấn	2016N1	0	0	0	F	K
378	1651040106	Nguyễn Kim Tuấn	2016N2	0	0	0	F	K
379	1654010110	Nguyễn Minh Tuấn	2016GT2	0	0	0	F	K

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp QL	Điểm QT	Điểm thi	TBCMH	Điểm chữ	Ghi chú
380	1651050095	Nguyễn Minh Tuấn	2016D2	10	6	6.8	C	
381	1651070054	Nguyễn Việt Tuấn	2016XN	0	0	0	F	K
382	1451070058	Nguyễn Vũ Tuấn	2014XN	0	0	0	F	K
383	1651040052	Trương Thanh Tuấn	2016N1	6.5	0	1.3	F	
384	1651050046	Bùi Duy Tùng	2016D1	7	0	1.4	F	
385	1651040053	Bùi Đức Tùng	2016N1	6	4	4.4	D	
386	1651070055	Chu Thanh Tùng	2016XN	6.5	9	8.5	A	
387	1651050097	Đoàn Thanh Tùng	2016D2	8	6	6.4	C	
388	1651070056	Nguyễn Thanh Tùng	2016XN	4	1	1.6	F	
389	1651040054	Nguyễn Thanh Tùng	2016N1	3	0	0.6	F	
390	1251040095	Nguyễn Trương Sơn	2012N2	6	0	1.2	F	
391	1251040096	Trần Hữu Tùng	2012N2	0	0	0	F	
392	1654010052	Đặng Văn Tuyên	2016GT1	8	4.5	5.2	D	
393	1651050051	Đoàn Thị út	2016D1	9	0	1.8	F	
394	1651050099	Đinh Thị Phương Uyên	2016D2	8	1	2.4	F	
395	1651050048	Nguyễn Thị Thu Uyên	2016D1	9	4	5	D	
396	1651070059	Đinh Quốc Văn	2016XN	6	4	4.4	D	
397	1651050049	Nguyễn Đức Vang	2016D1	6.5	0	1.3	F	
398	1651040110	Lê Tuấn Việt	2016N2	8	5	5.6	C	
399	1654010057	Phạm Quốc Việt	2016GT1	0	0	0	F	K
400	1651070060	Đinh Quang Vương	2016XN	9	3.5	4.6	D	
401	1651050100	Doãn Thị Xinh	2016D2	8	7	7.2	B	
402	1651050050	Lê Hải Yến	2016D1	8	4	4.8	D	

- Tổng số điểm A: 5
- Tổng số điểm B: 22
- Tổng số điểm C: 51
- Tổng số điểm D: 85
- Tổng số điểm F: 239
- Tổng số điểm X: 0
- Tổng số điểm I: 0

13 tháng 4 năm 2017

TRƯỜNG PHÒNG TT - KT & ĐBCL